TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 76/2025/QĐST-LĐ	*Dĩ An, ngày 05 tháng 5 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Hồng.

***Thư ký phiên họp*:** Ông Lê Duy Long - Thư ký Toà án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp*:** Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Dĩ An mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 75/2025/TLST-VLĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 về việc "yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 34/2025/QĐST-LĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Bà Cao Thị T, sinh năm: 1988; thường trú: Thôn C, xã C, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ liên hệ: Số nhà 5A, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Cao Thị T1, sinh năm 1993; thường trú: Số 80/15, khu phố Đ, phường H, thành phố D, tỉnh Bình Dương, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. Công ty Cổ phần Công Nghiệp Đ; địa chỉ: Lô 3.2, đường số 2, khu công nghiệp T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Duy H, sinh năm 1960; địa chỉ: Lô 3.2, đường số 2, khu công nghiệp T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, (Vắng mặt).

3. Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Đường T, khu trung tâm hành chính Dĩ An, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn T2, sinh năm 1988; thường trú: Số 141/1A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (theo văn bản ủy quyền ngày 29/11/2024), (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết bà Cao Thị T trình bày:

Vào tháng 5/2010 đến tháng 10/2010 bà có tham gia ký kết hợp đồng lao động và trực tiếp làm việc tại Công ty TNHH C.M.C Vina có địa chỉ: Lô 11, đường 20, khu công nghiệp Sóng Thần 2, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và có tham gia bảo hiểm xã hội số 7410156922. Bà T làm vị trí công nhân may, thời gian làm việc từ 07 giờ 30 phút sáng đến 17 giờ 00 phút, chưa kể tăng ca. Đồng thời vào khoảng thời gian từ tháng 11/2009 đến tháng 12/2010 em gái bà T là bà Cao Thị T1 chưa đủ 18 tuổi nhưng gia đình khó khăn, cần công việc để tăng thu nhập nên bà cho em gái bà mượn chứng minh nhân dân số 173126774 do Công an tỉnh Thanh Hóa cấp cho bà T xin việc làm tại Công ty Cổ phần Công Nghiệp Đ, bà T1 có tham gia bảo hiểm xã hội số 7409316254.

Đến tháng 11/2024 bà T đi làm thủ tục tại Cơ quan bảo hiểm xã hội thì được biết bị trùng bảo hiểm xã hội nên Bảo hiểm xã hội thành phố Dĩ An hướng dẫn bà nộp đơn ra Tòa án để yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng lao động bà T1 mượn tên và thông tin của bà giao kết với Công ty Cổ phần Công Nghiệp Đ.

Vì vậy, bà yêu cầu Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Cao Thị T với Công ty Cổ phần Công Nghiệp Đ vô hiệu.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị T1 trình bày:

Bà Cao Thị T1 sinh ngày 26/8/1993 nên vào thời điểm tháng 11/2009 chưa đủ 18 tuổi vì gia đình có khó khăn về kinh tế cần có công việc để tăng thu nhập vì vậy bà có nhờ chị gái cho bà mượn thông tin và giấy tờ tùy thân để tham gia và ký kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Công Nghiệp Đ có tham gia bảo hiểm xã hội với mã số số: 7409316254. Được sự đồng ý nên bà T1 sử dụng tên và chứng minh nhân dân của bà Cao Thị T, sinh năm 1988 để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ. Bà làm việc và tham gia đóng BHXH từ tháng 11/2009 đến tháng 12/2010 thì bà nghỉ việc cho đến nay.

Nay bà T1 thống nhất toàn bộ yêu cầu của bà T về việc đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa Thảo với Công ty Cổ phần Công Nghiệp Đ là vô hiệu. Bà T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

- Ông Dương Văn T2 là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương (viết tắt là BHXH) trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty Cổ phần Công Nghiệp Đ cho người lao động thì Công ty có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Cao Thị T sinh năm 1988, số CCCD 038188024187, với mã số BHXH 7409316254 từ tháng 11/2009 đến tháng 12/2010 đã nhận trợ cấp BHXH một lần. Ngoài ra bà Cao Thị T còn có mã số 7410156922 có quá trình tham gia BHXH, BHYT, BHTN

từ tháng 05/2010 đến tháng 10/2010 tại Công ty TNHH CMC Vina. Về đề nghị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa bà Cao Thị T và Công ty Cổ phần Công Nghiệp Đ, đề nghị Tòa án căn cứ theo Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Nghị định số 145/2020/NĐ – CP quy định về việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu để tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Cao Thị T, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này. Về các yêu cầu khác của bà Cao Thị T, Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương không có ý kiến.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần Công Nghiệp Đ trình bày:* Quá trình tố tụng, Công ty Cổ phần Công Nghiệp Đ vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét đơn yêu cầu: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết việc lao động đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tại phiên họp đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu của bà Cao Thị T là có căn cứ, đề nghị Toà án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu bà Cao Thị T, bà Cao Thị T1 và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội Dĩ An có yêu cầu giải quyết vắng mặt; người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần Công Nghiệp Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên họp. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình tố tụng các đương sự khai thống nhất: Trong thời gian từ tháng 11/2009 đến tháng 12/2010, người lao động tên Cao Thị T, sinh năm 1988, căn cước công dân số 038188024187, được Công ty Cổ phần Công Nghiệp Đ tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7409316254. Quan hệ lao động giữa Công ty Cổ phần Công Nghiệp Đ và bà T phát sinh từ tháng 11/2009 cho đến tháng 12/2010 hai bên có ký kết hợp đồng lao động. Tuy nhiên, bà T và bà T1 thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Công Nghiệp Đ và thực tế làm việc tại công ty trong khoảng

thời gian từ tháng 11/2009 đến tháng 12/2010 là bà Cao Thị T1 chứ không phải bà Cao Thị T. Do bà T1 chưa đủ tuổi nên bà T đã cho bà T1 mượn thông tin cá nhân và chứng minh nhân dân để đi làm việc. Trình bày của bà T và bà T1 phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội.

[2.2] Xét thấy, việc bà Cao Thị T1 sử dụng chứng minh nhân dân của bà Cao Thị T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Công Nghiệp Đ là hành vi gian dối. Hành vi trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 và Điều 30 của Bộ luật Lao động. Do đó, việc bà Cao Thị T yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giao kết giữa bà T (do bà T1 mượn tên) với Công ty Cổ phần Công Nghiệp Đ là có căn cứ theo quy định tại Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, các đương sự khác cũng thống nhất, không có tranh chấp.

[3] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về lệ phí: Bà Cao Thị T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, các Điều 149, 361, 367, 370, 371, 372 và Điều 401, 402 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Căn cứ Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Căn cứ Điều 9, Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994.

- Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Cao Thị T.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Cao Thị T với Công ty Cổ phần Công Nghiệp Đ bị vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Cao Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0008068 ngày 11/4/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh

Bình Dương.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THA DS TP.Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊNHỌP

Trần Thị Hồng